

Tuần 25, 07/03/2026

Giao dịch biên độ hẹp nhưng đà lan tỏa lại cải thiện nhẹ

Tiêu điểm:

- Đến ngày 26/6/2026, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt trên 19,9 triệu tỷ đồng, tăng 7.4% so với cuối năm 2025; tăng 18.1% so với cùng kỳ năm 2025.
- Thị trường lao động Mỹ tiếp tục hạ nhiệt trong tháng 6 khi số việc làm mới thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng, qua đó làm dịu bớt lo ngại Fed sẽ sớm phải nâng lãi suất để kiềm chế lạm phát.
- PMI đạt 51.8 điểm: Ngành sản xuất Việt Nam tăng trưởng tích cực, sẵn sàng cho nửa cuối năm

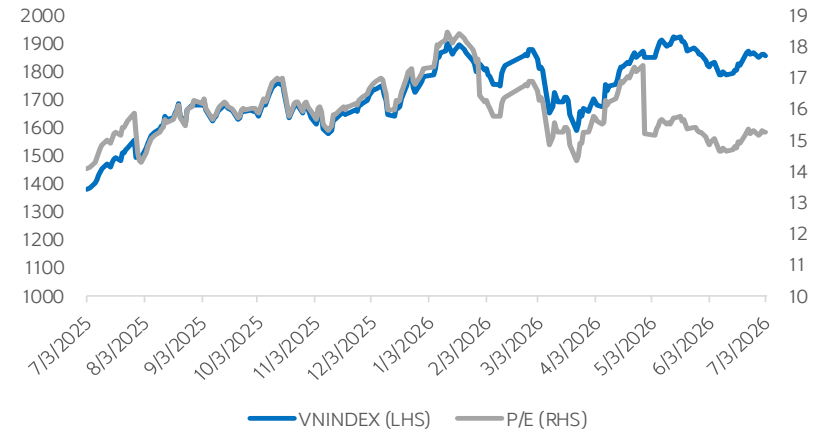
Đánh giá: Thị trường đã có sự cải thiện về độ lan tỏa khi nhóm ngân hàng tăng điểm trong tuần qua. Mặc dù tín hiệu vẫn chưa rõ ràng, nhưng diễn biến này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang dần cải thiện, đặc biệt tại nhóm ba ngân hàng có room tín dụng cao gồm MBB, VPB và HDB.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1.862 điểm (-9,8 điểm, -0,53%) với thanh khoản thấp. Biên độ giao dịch trong tuần chỉ khoảng 30 điểm, cho thấy cả bên mua và bên bán đều chưa chủ động tham gia. Tuy nhiên, đà lan tỏa cải thiện nhẹ khi thanh khoản tăng ở một số nhóm ngành, trong đó có ngân hàng, trong khi nhóm bất động sản ghi nhận sự sụt giảm cả về thanh khoản lẫn điểm số. Xu hướng thị trường chưa thay đổi đáng kể so với tuần trước, khi cấu trúc đi ngang vẫn là chủ đạo.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tập trung tích lũy các cổ phiếu có cấu trúc giá đi ngang hoặc chỉ điều chỉnh nhẹ nhưng vẫn duy trì tăng trưởng KQKD tích cực cho mục tiêu trung hạn. Không nên gia tăng tỷ trọng giao dịch ngắn hạn và cũng không nên mua đuổi, bởi độ lan tỏa kém của dòng tiền có thể khiến các nhịp tăng giá thiếu tính bền vững. Ưu tiên nhóm ngân hàng có định giá thấp và được hỗ trợ bởi nhiều thông tin tích cực.

Dữ liệu thị trường tuần	% Thay đổi					Định giá				
	Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,862	2.6	-0.7	13.8	4.9			15.3	2.1	333
Upcom Index	128	-0.7	2.3	4.3	6.6			11.7	1.6	25
HNX Index	308	-3.2	14.3	28.0	27.8			19.7	1.7	17
VN30 Index	2,003	-0.3	-1.0	12.1	-1.1			13.3	2.1	246
S&P 500 Index	7,483	1.8	-2.1	13.6	7.5			27.5	5.7	66,870
STOXX Europe 600 Index	649	2.1	1.4	9.6	7.5			18.0	2.5	18,783
Hang Seng	23,350	3.0	-11.5	-8.8	-11.6			12.0	1.2	3,500
Nikkei 225	69,744	0.6	6.7	29.4	37.8			24.9	3.1	6,476
SHCOMP Index	4,044	0.4	-2.8	3.6	1.5			1.6	1.6	9,497
STI Index	5,234	0.8	3.3	6.3	11.8			15.6	1.6	596
KOSPI Index	8,088	-3.8	4.5	54.0	99.6			21.0	2.2	3,968

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

(84-28) 5808 7603

nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



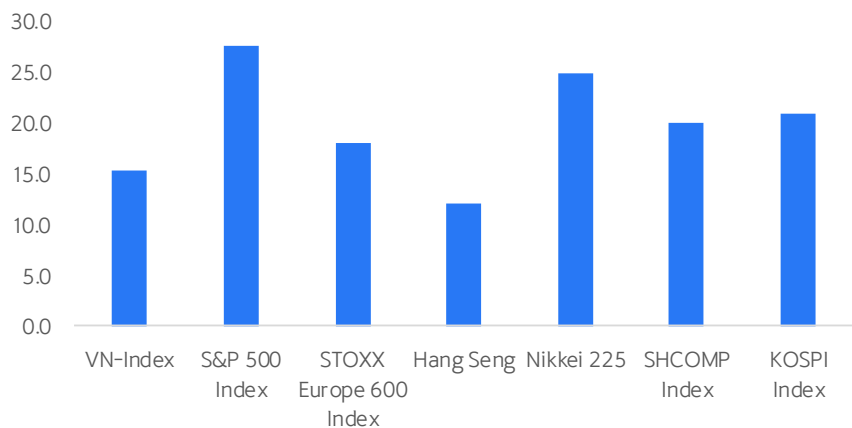
Bấm vào hình hoặc quét QR

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E		P/B
Large Cap	-0.1	2.1	10.3	7.3	-9.0	-8.0	-28.8	-43.2	75.5	-0.1	15.9	2.4	8,080,753
Mid Cap	-0.7	2.5	-4.4	1.6	-7.7	-10.2	-35.7	-53.4	18.8	0.2	10.6	1.2	555,704
Small Cap	-1.3	-0.1	-4.9	-6.9	-10.2	-10.4	-26.3	-38.9	5.7	-0.1	13.7	0.6	68,103

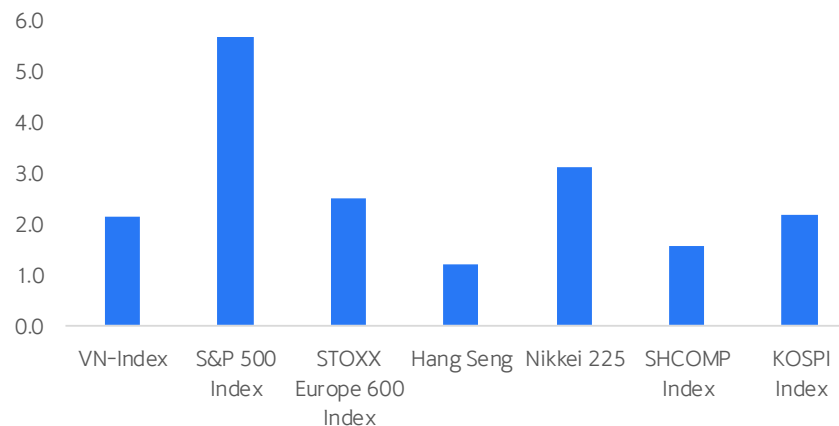
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E		P/B
Truyền thông	8.3	392.7	1.0	530.4	122.4	110.8	29.7	-17.9	0.1	0.1	25.5	1.0	2,483
Ngân hàng	2.9	3.7	5.7	5.7	1.3	-3.0	-15.4	-31.2	31.1	3.2	9.8	1.6	2,710,394
Bán lẻ	1.1	1.4	-6.7	-9.4	5.2	2.2	-21.2	-43.8	3.7	0.5	18.5	3.4	157,379
Ô tô & Phụ tùng	0.2	25.4	-1.4	14.1	2.2	-5.7	-43.0	-47.9	0.3	0.0	3.9	1.0	18,180
Tài nguyên cơ bản	0.1	-0.4	-3.9	-0.4	5.6	3.5	-41.0	-58.3	3.9	0.5	13.4	1.4	240,130
Xây dựng và vật liệu	0.0	3.0	-4.3	-3.0	-2.7	2.5	-42.6	-49.9	4.3	0.3	12.2	1.4	139,633
Công nghệ Thông tin	-0.3	-5.6	-6.6	-25.0	-14.8	-30.1	-36.5	-51.4	3.8	-0.3	12.8	2.8	133,687
Tài chính	-0.3	3.7	-4.6	2.6	-13.4	-16.1	-30.9	-47.6	12.6	-0.6	16.2	1.8	503,891
Thực phẩm và đồ uống	-0.4	-1.0	-5.6	-14.3	-11.3	-20.3	-34.5	-54.7	2.1	-0.1	15.2	3.0	478,775
Dược và Y tế	-0.6	-2.1	-11.2	-8.2	-3.8	16.2	-40.0	-38.4	0.2	0.0	17.1	2.0	36,904
Du lịch và Giải trí	-1.3	2.2	5.9	30.7	-4.2	-19.5	-32.8	-46.5	1.3	0.1	30.6	4.7	346,229
Bảo hiểm	-1.5	-6.1	-20.1	9.4	4.7	6.2	-46.0	-65.3	0.2	0.0	14.5	1.7	60,798
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.5	3.8	-5.9	-1.1	14.3	9.7	-19.2	-38.1	10.0	2.0	14.7	2.1	242,302
Bất động sản	-1.8	3.1	37.2	14.7	-30.0	-19.4	-40.0	-43.4	18.0	-5.4	34.0	3.7	2,682,050
Tiện ích	-2.6	0.9	1.7	6.2	-9.6	15.8	-15.2	-47.5	2.4	0.0	6.9	2.0	334,708
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.8	3.6	-10.8	-0.2	10.7	4.2	-18.9	-57.3	0.8	0.1	9.9	1.5	55,597
Hóa chất	-4.6	-5.1	-4.7	12.2	-18.1	-15.3	-45.7	-68.8	2.5	-0.3	15.3	1.8	213,569
Dầu khí	-5.8	-8.2	-7.4	30.6	-16.7	-9.6	-43.6	-66.5	2.8	-0.3	23.8	2.2	187,657

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	51	15	15	-28,950
Indonesia	-153	-45	-45	-4,294
Nhật Bản*	-11,231	-17,532	64,701	53,009
Maylaysia	-99	-67	-67	-767
Hàn Quốc	-11,489	-3,877	-3,908	-98,694
Sri Lanka	-5	-3	-3	-111
Đài Loan	-1,200	-1,623	-1,615	-21,983
Thái Lan	611	210	210	1,091
Việt Nam	-73	-4	-4	-2,943

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,500	-12.8	-21.1	-104.9	-167.3
Nước ngoài	1,744	-11.8	-20.6	-86.1	-139.0
VanEck Vectors Vietnam ETF	565	0.0	-1.8	12.7	-26.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	374	-3.6	-13.7	-66.1	-107.9
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	385	-2.1	0.4	-5.4	3.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	214	0.0	-6.5	-10.9	-13.1
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	-0.8	-1.3	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	771	-1.0	-0.5	-18.8	-28.2
DCVFMVN Diamond ETF	449	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	234	-0.1	0.1	-10.3	-19.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	22	0.0	0.1	0.2	1.3
MAFN VN30 ETF	24	0.2	-0.4	-7.5	-10.3
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	26	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.0	-0.1	0.1	0.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

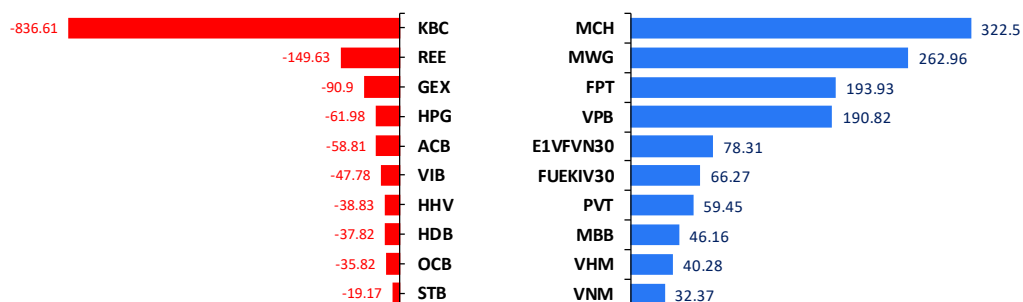
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

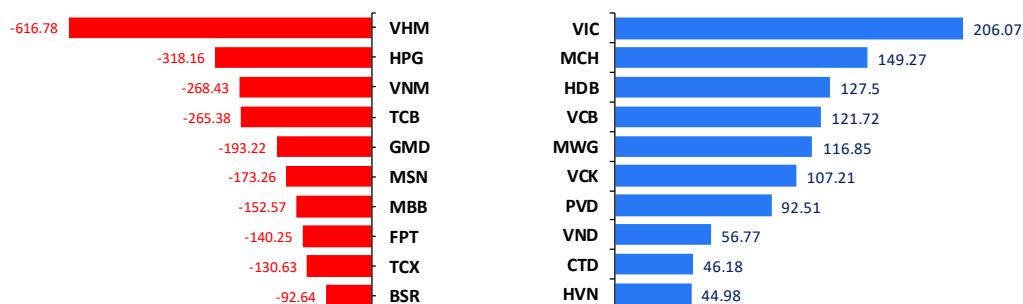
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

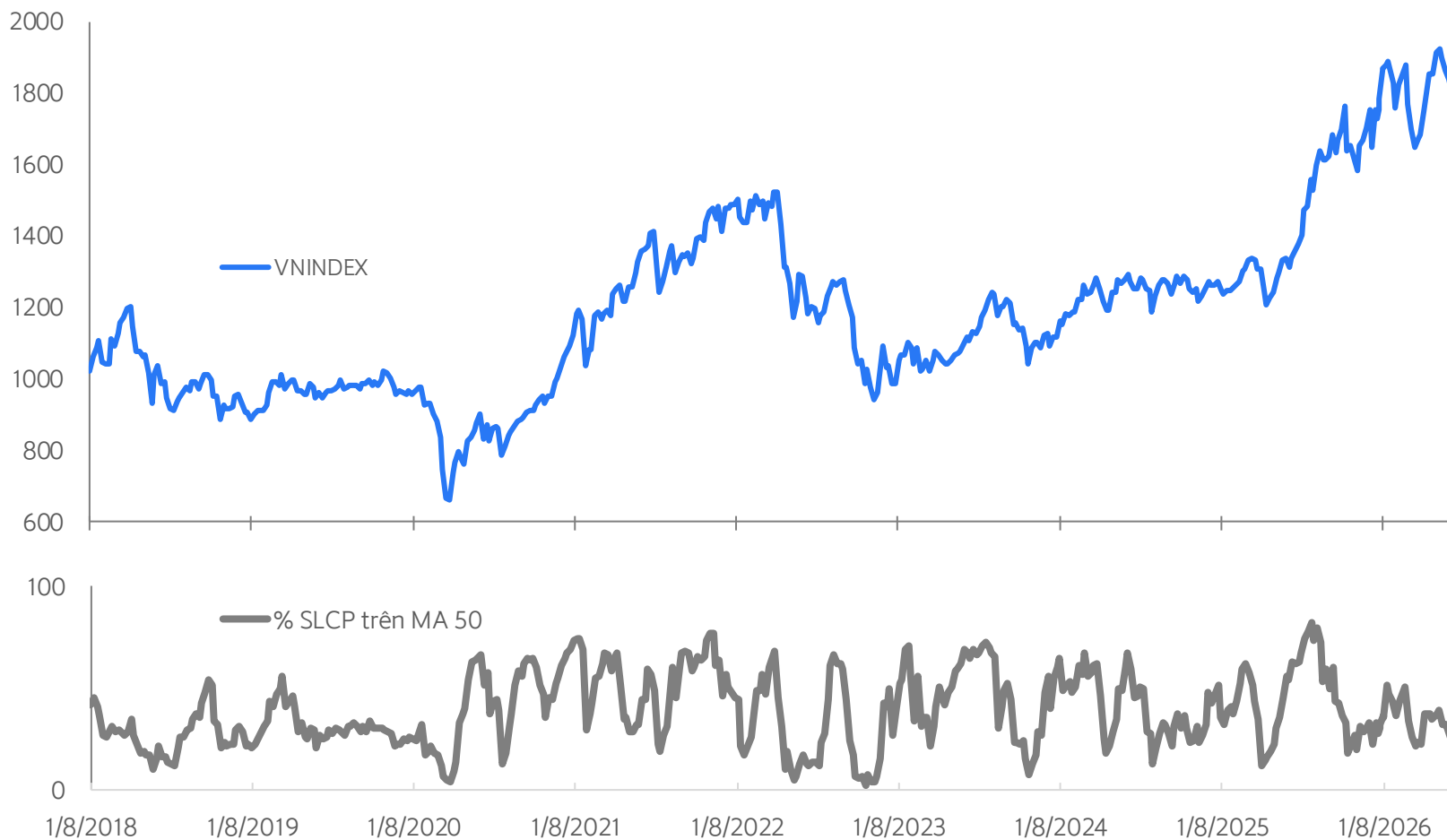
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-800	-480	786	-307
Tài nguyên Cơ bản	-62	-281	352	-70
Truyền thông	31	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-146	-155	46	108
Y tế	0	-1	7	-5
Hóa chất	-1	-106	80	27
Dịch vụ tài chính	177	-186	5	181
Du lịch và Giải trí	-7	30	-279	249
Ngân hàng	32	-373	85	289
Xây dựng và Vật liệu	-53	22	-45	23
Thực phẩm và đồ uống	359	-314	22	292
Bán lẻ	266	125	-283	158
Điện, nước & xăng dầu khí	41	-15	-72	86
Hàng cá nhân & Gia dụng	18	5	37	-42
Công nghệ Thông tin	196	-190	-323	514
Ô tô và phụ tùng	0	-7	-40	47
Bảo hiểm	0	-20	16	3
Dầu khí	25	-6	-58	65
Tổng	75	-1,952	335	1,617

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	44	Neutral	Neutral	DXG	35	Weak	Weak	BVH	34	Neutral	Neutral	HPG	42	Neutral	Weak	GEX	47	Neutral	Neutral
MBB	59	Neutral	Neutral	NVL	38	Weak	Weak	BMI	38	Neutral	Neutral	NKG	43	Neutral	Weak	VSC	40	Neutral	Weak
HDB	69	Strong	Strong	DIG	35	Weak	Weak	BIC	41	Neutral	Strong	HSG	39	Neutral	Weak	PVT	47	Neutral	Neutral
VPB	66	Strong	Neutral	VRE	40	Weak	Weak	VIX	45	Neutral	Weak	SMC	41	Neutral	Weak	GMD	54	Neutral	Neutral
MSB	66	Strong	Strong	PDR	34	Neutral	Weak	SSI	54	Neutral	Neutral	CII	46	Neutral	Weak	HAH	39	Neutral	Weak
TCB	60	Strong	Neutral	VIC	57	Strong	Strong	VND	61	Strong	Strong	HHV	43	Neutral	Weak	GEE	34	Weak	Weak
EIB	42	Neutral	Weak	KDH	30	Weak	Weak	VCI	57	Strong	Neutral	VCG	55	Strong	Neutral	VOS	48	Neutral	Neutral
ACB	55	Neutral	Strong	VHM	52	Neutral	Neutral	HCM	58	Strong	Strong	PCI	57	Strong	Strong	APH	40	Neutral	Neutral
TPB	59	Neutral	Strong	TCH	36	Weak	Weak	TCX	65	Strong	Strong	FCN	41	Neutral	Weak	VTP	45	Neutral	Neutral
STB	52	Neutral	Neutral	KBC	40	Neutral	Weak	ORS	74	Too hot	Strong	VGC	52	Neutral	Neutral	SBG	58	Neutral	Strong
CTG	51	Neutral	Neutral	HDG	32	Weak	Weak	VDS	72	Too hot	Strong	DPG	26	Weak	Weak	REE	33	Neutral	Weak
VIB	55	Neutral	Neutral	HDC	39	Neutral	Weak	FTS	70	Too hot	Strong	CTD	46	Neutral	Weak	PAC	27	Weak	Weak
SSB	88	Too hot	Strong	NLG	45	Neutral	Neutral	CTS	75	Too hot	Strong	CTR	48	Neutral	Neutral	TV2	42	Neutral	Weak
VCB	52	Neutral	Neutral	DXS	39	Neutral	Weak	BSI	70	Too hot	Strong	HT1	39	Neutral	Weak	TCM	30	Neutral	Weak
NAB	68	Strong	Strong	NTL	36	Neutral	Weak	TCI	39	Weak	Weak	CTI	41	Neutral	Weak	TLG	55	Neutral	Neutral
OCB	70	Strong	Strong	SIP	33	Neutral	Weak	TVB	56	Neutral	Neutral	BMP	63	Strong	Strong	PNJ	27	Weak	Weak
BID	50	Neutral	Neutral	SZC	34	Neutral	Weak	DSE	62	Strong	Strong					MSH	32	Neutral	Weak
LPB	51	Neutral	Neutral	BCM	36	Weak	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	49	Neutral	Neutral	PVD	56	Strong	Strong	MSN	42	Neutral	Weak	YEG	45	Neutral	Neutral	VPL	38	Weak	Weak
SAM	41	Neutral	Weak	BSR	40	Weak	Weak	VNM	27	Weak	Weak	DCL	55	Neutral	Neutral	VJC	58	Neutral	Strong
ELC	62	Strong	Strong	PLX	37	Weak	Weak	DBC	36	Neutral	Weak	DBD	54	Neutral	Neutral	HVN	70	Too hot	Strong
CMG	46	Neutral	Neutral	POW	64	Strong	Strong	BAF	65	Neutral	Neutral	TNH	10	Weak	Weak	SCS	41	Neutral	Weak
MWG	51	Neutral	Neutral	NT2	45	Neutral	Neutral	SAB	49	Neutral	Neutral	JVC	28	Weak	Weak	VNG	50	Neutral	Neutral
DGW	49	Neutral	Neutral	GAS	36	Weak	Weak	ANV	43	Neutral	Weak					HAX	42	Neutral	Neutral
PET	56	Neutral	Strong	GEG	51	Neutral	Neutral	VHC	52	Neutral	Neutral					DRC	45	Neutral	Weak
FRT	44	Neutral	Weak	PPC	27	Neutral	Neutral	MCH	69	Strong	Strong								

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	KDH	21.3	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
2	HPG	23.25	26	23.5	11.8%	Kì vọng KQKD Q1 tăng trưởng ấn tượng, Cổ phiếu đã quay lại xu hướng tăng nhưng cần xem xét kháng cự tâm lý vùng 28 - 29
3	SSI	27.35	NA	NA	NA	Nhóm chứng khoán đang có dấu hiệu phục hồi trước thông tin kì vọng giao dịch xuyên trưa
4	DXG, NLG, PDR	NA	NA	NA	NA	Cấu trúc giá đi ngang xây dựng nền sau nhịp điều chỉnh mạnh. NLG và DXG có động lượng giá tốt hơn khi đang giao dịch trên MA 50

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	FDC	Bất động sản	14.20 - 26.40	18.1	-18.8%
2	L10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.00 - 29.25	21.4	-13.4%
3	STG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.05 - 44.50	26.1	-13.3%
4	QCG	Bất động sản	11.45 - 18.80	12.0	-9.8%
5	VPG	Tài nguyên Cơ bản	2.52 - 10.50	2.6	-9.3%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.6%	8.3	5.96 - 13.80	Hóa chất	TPC
18.9%	20.8	16.10 - 20.95	Thực phẩm và đồ uống	LAF
17.2%	9.4	7.19 - 9.39	Xây dựng và Vật liệu	HAS
14.1%	8.3	4.08 - 8.51	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	ASP
13.9%	16.8	12.45 - 18.70	Ngân hàng	KLB

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SVN	Xây dựng và Vật liệu	1.70 - 5.20	2.5	-16.7%
2	MEL	Tài nguyên Cơ bản	5.80 - 9.10	7.0	-14.6%
3	SDU	Xây dựng và Vật liệu	6.60 - 28.80	6.6	-13.2%
4	KSD	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.70 - 8.20	4.3	-12.2%
5	THD	Bất động sản	25.40 - 220.00	172.0	-10.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.0%	7.8	5.60 - 8.10	Hàng cá nhân & Gia dụng	SHE
30.0%	10.4	6.60 - 13.00	Công nghệ Thông tin	VLA
29.3%	23.8	15.30 - 27.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SFN
27.1%	16.4	10.00 - 16.50	Thực phẩm và đồ uống	SJ1
24.9%	28.0	14.31 - 28.00	Xây dựng và Vật liệu	VIT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DPH	Y tế	30.90 - 66.00	30.9	-39.4%
2	NHD	Y tế	50.00 - 153.20	100.0	-32.9%
3	FRM	Tài nguyên Cơ bản	4.70 - 15.00	9.4	-27.1%
4	HNI	Tiêu dùng không thiết yếu	21.10 - 30.10	21.2	-24.6%
5	QNT	Xây dựng và Vật liệu	7.30 - 14.60	10.8	-21.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.0%	18.9	12.60 - 30.80	Tài nguyên Cơ bản	KTL
45.5%	48.0	31.00 - 50.00	Bất động sản	VCR
30.9%	110.5	42.46 - 149.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VGR
30.0%	38.6	13.00 - 38.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	UDL
26.7%	98.2	35.05 - 98.40	Y tế	TTD

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	Dịch vụ tài chính	9,089.6	1,072.8	14.9	3.65 - 5.73	7.3
2	LPB	LienViet Post Bank	Ngân hàng	218,176.3	559.6	53.0	31.50 - 58.50	10.4
3	CSM	Cao su Miền Nam	Ô tô và phụ tùng	2,943.3	456.7	12.7	11.30 - 17.20	7.2
4	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	637.2	277.3	58.0	53.00 - 63.80	-1.2
5	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	19,294.7	220.8	11.5	9.86 - 12.85	2.2
6	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	16,460.3	213.2	18.1	13.70 - 20.70	-0.5
7	VHC	Thủy sản Vinh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	23,391.0	180.6	60.1	50.70 - 69.90	4.5
8	ORS	Chứng khoán Tiên Phong	Dịch vụ tài chính	71,615.4	174.7	13.5	9.06 - 17.00	3.1
9	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,160.3	170.7	94.9	88.00 - 113.20	2.3
10	GEG	Điện Gia Lai	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,931.8	127.0	13.7	12.90 - 17.57	1.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

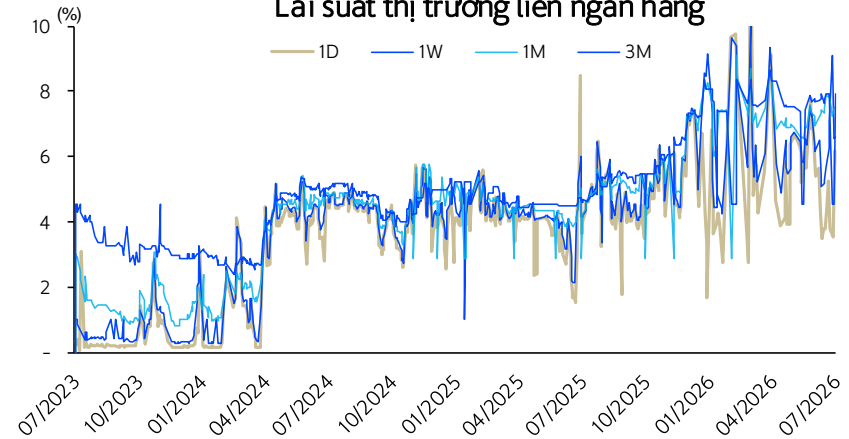
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	101.33	0.5	2.2	1.4	3.1	
VND/USD	26,304	-0.1	-0.2	-0.2	0.0	
KRW/USD	1,538.45	0.5	2.0	2.1	6.9	
JPY/USD	161.60	0.2	1.4	1.1	3.1	
EUR/USD	0.88	0.7	2.1	1.2	3.1	
SGD/USD	1.29	0.3	1.3	0.7	0.7	
CNY/USD	6.80	0.5	0.2	-1.6	-2.7	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	69.99	-8.6	-25.5	-25.9	21.9	
Xăng	297.25	-0.7	-7.7	-5.0	74.3	
Gas	3.35	3.6	15.7	11.7	-9.1	
Than	143.20	-0.6	8.4	7.6	33.2	
Vàng	4,029.91	-3.0	-10.6	-7.9	-6.7	
Bạc	57.74	-11.0	-24.9	-15.2	-19.4	
Platinum	1,603.88	-3.8	-18.3	-12.5	-22.2	
Quặng sắt	100.37	-0.9	-8.5	-5.3	-6.3	
Thép cán	3,328.00	-1.1	-2.9	0.8	1.8	
Lúa mì	584.00	-3.6	-8.1	-3.5	15.2	
Ngô	414.00	-0.8	-9.5	-11.3	-6.0	

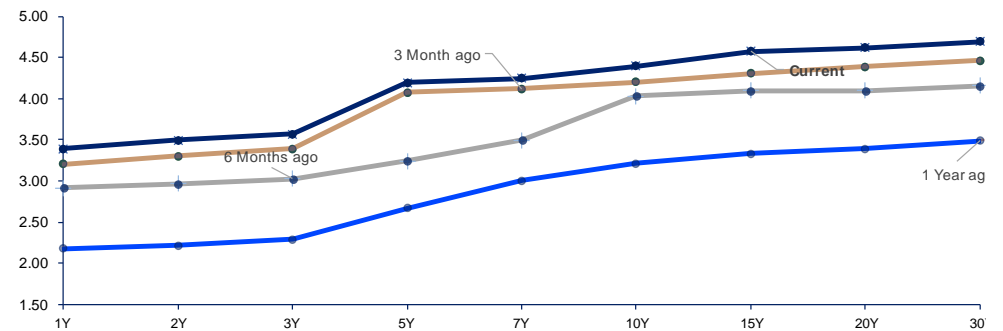
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.39	3.50	3.57	4.19	4.25	4.40	4.57	4.31	4.10
Thay đổi (WoW)	1.70	2.50	1.30	0.30	0.10	0.60	0.50	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.